

Bản án số: 47/2025/DS-ST

Ngày: 15/04/2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Huỳnh Mỹ Linh
2. Bà Lâm Thu Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Định – là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 và ngày 15 tháng 4 năm 2025 tại Tòa án nhân dân Quận 7, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 665/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 2 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2025/QĐST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP K. Địa chỉ: số F, phố Q, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Hồ Hùng A – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tham gia tố tụng: Ông Đào Viết N, ông Nguyễn Đức T. Địa chỉ: G, Tòa nhà T, số I N, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Văn bản ủy quyền số 0544-04/2024/GUQ-TCB ngày 21/10/2024. Ông N có mặt.

Kế thừa một phần quyền, nghĩa vụ tố tụng: Công ty Cổ phần M. Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà V, số I D, phường D, quận C, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Công T1, sinh năm 1986.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:

-Ông Đặng Quốc Đ

-Bà Nguyễn Thị Lan P

-Ông Nguyễn Phú T2

Địa chỉ: Tầng D, Tòa nhà C, D đường N, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Lan P có mặt ngày 10/4/2025 và vắng mặt ngày tuyên án.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1968 và bà Đinh Thị Hoàng A1, sinh năm: 1980; Cùng địa chỉ: A chung cư M M, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Công ty TNHH B: Địa chỉ trụ sở: Khu T, Khu D, ấp G, xã G, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành L.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị Vân A2. Địa chỉ: Số I đường số A, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Văn bản ủy quyền số 0904/2025/GUQ-NVS ngày 09/4/2025. Bà Vân A2 có mặt ngày 10/4/2025 và vắng mặt ngày tuyên án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các Bản tự khai, Biên bản hòa giải tại Tòa án, Nguyên đơn Ngân hàng TMCP K có người đại diện theo ủy quyền là ông Đào Viết N trình bày:

T7 và ông Nguyễn Văn T3, bà Đinh Thị Hoàng A1 đã cùng ký các Hợp đồng tín dụng số TCU202181241691/HDTD; TCU202181154977/HDTD; TCU202181241973/HDTD; TCU202181242011/HDTD được ký cùng ngày 15/03/2021, cụ thể như sau:

Khế ước nhận nợ	Mục đích vay	Ngày nhận nợ	Lãi suất	Ngày đến hạn	Thời hạn vay	Số tiền vay (đồng)
Đề nghị giải ngân kiêm kiêm Khế ước nhận nợ số TCU202181154977/01	Thanh toán tiền mua bất động sản	20/03/2021	Lãi suất thả nổi	20/03/2036	180 tháng	8.357.390.727
Đề nghị giải ngân kiêm kiêm Khế ước nhận nợ số TCU202181241691/01	Thanh toán tiền mua bất động sản	20/03/2021	Lãi suất thả nổi	20/03/2036	180 tháng	8.806.075.188
Đề nghị giải ngân kiêm kiêm Khế ước nhận	Thanh toán tiền	20/03/2021	Lãi suất thả nổi	20/03/2036	180 tháng	13.299.553.633

nợ số TCU202181241 973/01	mua bất động sản					
Đề nghị giải ngân kiêm kiêm Khế ước nhận nợ số TCU202181242 011/01	Thanh toán tiền mua bất động sản	20/03/ 2021	Lãi suất thả nổi	20/03/203 6	180 tháng	11.354.093.39 4
Tổng số tiền giải ngân		41.817.112.942 đồng				

Về lãi suất vay: Là lãi suất thả nổi, được xác định theo thời hạn vay và từng giai đoạn quy định trong Khế ước nhận nợ. Lãi suất thả nổi được điều chỉnh theo quy định tại mục 6 trong các Hợp đồng tín dụng ký giữa T7 với ông Nguyễn Văn T3 và bà Đinh Thị Hoàng A1 ngày 15/03/2021.

2. Ngày 28/9/2021, bà Đinh Thị Hoàng A1 đăng ký sử dụng thẻ tín dụng theo Đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức là 300.000.000 đồng theo bảng đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ngày 17/8/2021. Ngân hàng đã cấp thẻ cho bà Đinh Thị Hoàng A1 với số thẻ 483931xxxxx8433 với số tài khoản 197216807780027. Đối với thẻ tín dụng này, Ngân hàng cho bà Đinh Thị Hoàng A1 sử dụng là dành cho khách hàng cá nhân.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T3 và bà Hoàng A1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng thỏa thuận nên T7 phải tiến hành thu hồi nợ trước hạn theo thỏa thuận của các bên.

T7 đã có Thông báo về việc thu hồi nợ trước hạn đối với ông Nguyễn Văn T3 và bà Đinh Thị Hoàng A1, yêu cầu thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi phát sinh trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày T7 gửi thông báo nhưng khách hàng vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ.

Ngày 28/12/2023, T7 đã bán một phần khoản nợ của ông Nguyễn Văn T3, bà Đinh Thị Hoàng A1 cho Công ty Cổ phần M (tên cũ là Công ty TNHH một thành viên M) theo các Hợp đồng mua bán nợ số 010/HĐMBN/TCB-MARS và Phụ lục 01-HĐMB, 011/HĐMBN/TCB-MARS và Phụ lục 01-HEMB: 012/HĐMBN/TCB-MARS và Phụ lục 01-HĐMB, 013/HĐMBN/TCB-MARS và Phụ lục 01-HĐMB. Dư nợ đã bán tính đến ngày 21/12/2023, cụ thể như sau:

	GỐC	LÃI	TỔNG
Hợp đồng tín dụng số TCU202181154977/HDTD	8.357.390.727	106.339.466	8.463.730.193
Hợp đồng tín dụng số TCU202181241691/HDTD	8.806.075.188	134.161.943	8.940.237.131

Hợp đồng tín dụng số TCU202181241973/HDTD	13.299.553.633	160.091.729	13.459.645.362
Hợp đồng tín dụng số TCU202181242011/HDTD	11.354.093.394	172.981.402	11.527.074.796
Tổng nợ	41.817.112.942	573.574.540	42.390.687.482

Tiền lãi phát sinh từ ngày 22/12/2023 nên toàn bộ khoản nợ trở về sau sẽ thuộc sở hữu 100% của Công ty Cổ phần M.

Số tiền nợ còn lại của ông T3 và bà Hoàng A1 mà T7 được quyền yêu cầu đòi nợ như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

	GỐC	LÃI	TỔNG
Hợp đồng tín dụng số TCU202181154977/HDTD	1.047.227.328	42.891.558	1.009.118.886
Hợp đồng tín dụng số TCU202181241691/HDTD	1.350.240.218	55.302.135	1.405.542.353
Hợp đồng tín dụng số TCU202181241973/HDTD	1.249.627.351	37.075.252	1.286.702.603
Hợp đồng tín dụng số TCU202181242011/HDTD	830.053.532	27.119.505	857.173.037
Tổng nợ	4.477.148.429	162.388.450	4.639.536.879

Ngân hàng TMCP K có yêu cầu giải quyết những vấn đề sau:

1. Buộc ông Nguyễn Văn T3 và bà Đinh Thị Hoàng A1 thanh toán cho T7 số tiền 4.639.536.879 đồng theo các Hợp đồng tín dụng số TCU202181241691/HDTD, Hợp đồng tín dụng số TCU202181154977/HDTD, TCU202181241973/HDTD, Hợp đồng tín dụng số TCU202181242011/HDTD được ký cùng ngày 15/03/2021 và các khế ước nhận nợ và Hợp đồng mua bán nợ số 010/HĐMBN/TCB-MARS và Phụ lục 01-HĐMB; 011/HEMBN/TCB-MARS và Phụ lục 01-HĐMB; 012/HĐMBN/TCB-MARS và Phụ lục 01-HĐMB; 013/HĐMBN/TCB-MARS và Phụ lục 01- HĐMB cùng ngày 28/12/2024.

2. Buộc bà Đinh Thị Hoàng A1 thanh toán nợ thẻ tín dụng tính đến ngày 22/11/2024 là 568.512.787 đồng và phần nợ lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại Đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 28/9/2021, kể từ ngày 23/11/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Kế thừa một phần quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn Công ty Cổ phần M có bà Nguyễn Thị Lan P đại diện trình bày:

Ngày 28/12/2023, Ngân hàng TMCP K đã bán một phần khoản nợ của ông T3 và bà Hoàng A1 cho Công ty TNHH một thành viên M theo Hợp đồng mua bán nợ số 010/HĐMBN/TCB-MARS và Phụ lục 01-HĐMB; 011/HĐMBN/TCB-

MARS và Phụ lục 01-HĐMB: 012/HĐMBN/TCB-MARS và Phụ lục 01-HĐMB: 013/HĐMBN/TCB-MARS và Phụ lục 01-HĐMB. T7 đồng ý bán và Công ty cổ phần M đồng ý mua một phần (các) khoản nợ của khách hàng vay là bà Đinh Thị Hoàng A1 và ông Nguyễn Văn T3, bao gồm các khoản nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng Hợp đồng cho vay mà bà Đinh Thị Hoàng A1 và ông Nguyễn Văn T3 đã ký kết với T7. Theo đó, T7 đã chuyển một phần quyền sở hữu, quyền lợi, lợi ích của T7 đối với các khoản vay này cho Công ty cổ phần M, Công ty cổ phần M được kế thừa một phần quyền và nghĩa vụ của T7 tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho đến khi giải quyết xong khoản nợ. Ngày 16/4/2024, Công ty TNHH MTV M đã được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần M, mã số doanh nghiệp và trụ sở của Công ty giữ nguyên. Việc thay đổi mô hình Công ty không làm ảnh hưởng đến các giao dịch, quan hệ, đối tác, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ cũng như việc thực hiện các hợp đồng, giao dịch hiện tại.

Theo Hợp đồng tín dụng số TCU202181241691/HDTD; TCU202181154977/HDTD; TCU202181241973/HDTD; TCU202181242011/HDTD được ký cùng ngày 15/03/2021, số tiền gốc ông T3 và bà Hoàng A1 còn nợ công ty Cổ phần M tính tới thời điểm mua bán nợ như sau:

Khế ước nhận nợ	Mục đích vay	Ngày nhận nợ	Lãi suất	Ngày đến hạn	Thời hạn vay	Số tiền vay (đồng)
Đề nghị giải ngân kiêm kiêm Khế ước nhận nợ số TCU202181154977/01	Thanh toán tiền mua bất động sản	20/03/2021	Lãi suất thả nổi	20/03/2036	180 tháng	8.357.390.727
Đề nghị giải ngân kiêm kiêm Khế ước nhận nợ số TCU202181241691/01	Thanh toán tiền mua bất động sản	20/03/2021	Lãi suất thả nổi	20/03/2036	180 tháng	8.806.075.188
Đề nghị giải ngân kiêm kiêm Khế ước	Thanh toán tiền mua bất	20/03/2021	Lãi suất thả nổi	20/03/2036	180 tháng	13.299.553.633

nhận nợ số TCU20218 1241973/0 1	động sản					
Đề nghị giải ngân kiêm kiêm Khế ước nhận nợ số TCU20218 1242011/0 1	Thanh toán tiền mua bất động sản	20/03/2021	Lãi suất thả nổi	20/03/203 6	180 tháng	11.354.093.39 4
Tổng số tiền giải ngân		41.817.112.942 đồng				

Về lãi suất vay: Là lãi suất thả nổi, được xác định theo thời hạn vay và từng giai đoạn quy định trong Khế ước nhận nợ. Lãi suất thả nổi được điều chỉnh theo quy định tại mục 6 trong các Hợp đồng tín dụng ký giữa T7 và ông Nguyễn Văn T3, bà Đinh Thị Hoàng A1 ngày 15/03/2021.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông T3 và bà Hoàng A1 đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết trong Hợp đồng tín dụng, đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Ngân hàng đã nhiều lần trao đổi, làm việc, gửi thông báo yêu cầu ông T3 và bà Hoàng A1 trả nợ nhưng ông T3 và bà Hoàng A1 không thực hiện được việc thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho T7 và người kế thừa quyền, nghĩa vụ Công ty cổ phần M.

Hiện nay, dư nợ ông Nguyễn Văn T3, bà Đinh Thị Hoàng A1 tại Công ty Cổ phần M tạm tính đến 10/4/2025 như sau:

Nợ gốc: 41.817.112.942 đồng

Nợ lãi trong hạn: 5.765.302.573 đồng

Nợ lãi chậm trả: 844.803.475 đồng

Tổng nợ: 48.427.218.990 đồng

Công ty Cổ phần M có yêu cầu giải quyết những vấn đề sau:

1. Buộc bà Đinh Thị Hoàng A1 và ông Nguyễn Văn Thanh thanh T4 cho Công ty cổ phần M tổng số tiền tạm tính đến ngày 10/4/2025 Theo Hợp đồng tín dụng số TCU/202181241691/HDTD; TCU202181154977/HDTD; TCU202181241973/HDTD, TCU202181242011/HDTD được ký cùng ngày 15/03/2021 là: 48.427.218.990 đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký cho đến khi bà Hoàng A1 và ông Thanh thanh T4 nợ dứt điểm cho Công ty cổ phần M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH B có ông Nguyễn Thành L trình bày:

Bà Đinh Thị Hoàng A1 và Công ty TNHH B (sau đây viết tắt là “Newvision” hoặc “Công ty B”) đã ký kết 04 Hợp đồng mua bán công trình dịch vụ du lịch (“Hợp đồng mua bán” hoặc “HĐMB”) đối với các căn Shop gồm IN-05-03, IN-01-47, MC-01-32, MC-01-33. Thông tin cụ thể của mỗi Hợp đồng mua bán chi tiết như sau:

Mã căn	Ngày ký HĐMB	Số HĐMB
IN-05-03	11/11/2020	IN-05-03/GRAND WORLD/HĐMBCTDVDL
IN-01-47	11/11/2020	IN-01-47/GRAND WORLD/HĐMBCTDVDL
MC-01-32	15/12/2020	MC-01-32/GRAND WORLD/HĐMBCTDVDL
MC-01-33	16/12/2020	MC-01-33/GRAND WORLD/HĐMBCTDVDL

Tính tới thời điểm hiện tại, thông tin về tiến độ thực hiện Hợp đồng của các bên như sau:

Mã căn	IN-05-03	IN-01-47	MC-01-32	MC-01-33
Tổng giá trị HĐMB trước VAT	12.678.452.748	13.361.395.712	19.973.865.983	17.158.624.480
Tổng tiền VAT	1.250.531.797	1.315.396.269	1.967.442.296	1.690.785.636
Tổng giá trị HĐMB sau chiết khấu	13.928.984.545	14.676.791.981	21.941.308.279	18.849.410.116
Kinh phí bảo trì (KPBT)	63.392.264	66.806.979	99.869.330	85.793.122
Phí dịch vụ 1 năm (PDV)	19.178.419	22.977.702	33.169.790	27.777.994
Số tiền khách hàng đã thanh toán	13.232.883.544	13.943.319.301	22.074.347.399	18.962.981.232
Vốn tự có	4.875.492.817	5.137.244.113	8.774.793.766	7.608.887.838
Ngân hàng giải ngân	8.357.390.727	8.806.075.188	13.299.553.633	11.354.093.394

Mã căn	IN-05-03	IN-01-47	MC-01-32	MC-01-33
Số tiền Khách hàng còn phải thanh toán theo HĐMB (gồm KPBT và PDV, chưa bao gồm lãi chậm nộp)	778.671.684	823.257.361	0	0
Lãi tạm tính đến ngày 14/8/2024	244.113.573	267.970.271	-	-
Tổng số tiền còn lại Khách hàng cần phải thanh toán	1.022.785.257	1.091.227.632	-	-
Ngày bàn giao căn Shop cho Khách hàng	Khách hàng chưa đủ điều kiện nhận bàn giao	Khách hàng chưa đủ điều kiện nhận bàn giao	Ngày 06/4/2021	Ngày 06/4/2021

Căn cứ vào tình hình thực hiện tiến độ Hợp đồng mua bán nêu trên, hiện nay bà Đinh Thị Hoàng A1 đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán đối với 02 căn Shop MC-01-32 và MC-01-33; đồng thời bà Hoàng A1 vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ thanh toán đối với 02 căn Shop IN-05-03 và IN-01-47. Công ty B sẽ cân nhắc khởi kiện bà Đinh Thị Hoàng A1 trong một vụ án khác để yêu cầu bà Hoàng A1 trả số tiền còn lại phải thanh toán, gồm: (i) Tổng Giá Bán Shop còn lại, (ii) Phí Dịch vụ, (iii) Phí bảo trì khu thương mại theo các Thông báo bàn giao, và (iv) lãi chậm thanh toán tính đến ngày Công ty B nhận được đầy đủ số tiền theo quy định của Hợp đồng mua bán.

Đối với Vụ án này, Công ty B không có yêu cầu độc lập và không bổ sung tài liệu, chứng cứ gì thêm.

Về phía bị đơn ông Nguyễn Văn T3 và bà Đinh Thị Hoàng A1 trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 7 đã nhiều lần triệu tập ông Nguyễn Văn T3 và bà Đinh Thị Hoàng A1 đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ kiện theo đúng quy định pháp luật nhưng ông Nguyễn Văn T3 và bà Đinh Thị Hoàng A1 không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì, vắng mặt không có lý do, không có văn bản, ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án, tham gia phiên tòa.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự.

Nguyên đơn, người đại diện của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

-Chấp nhận 01 phần yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần K,

+Buộc ông Nguyễn Văn T3 và bà Đinh Thị Hoàng A1 phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K (T7) số tiền còn nợ 4.639.536.879 đồng theo các Hợp đồng tín dụng số TCU202181241691/HDTD; Hợp đồng tín dụng số TCU202181154977/HDTD; TCU202181241973/HDTD; Hợp đồng tín dụng số TCU202181242011/HDTD và các khế ước nhận nợ, được ký cùng ngày 15/03/2021

+ Buộc bà Đinh Thị Hoàng A1 thanh toán nợ thẻ tín dụng, tính đến ngày 15/4/2025 là 494.290.569 đồng (bao gồm nợ gốc 297.114.473 đồng, nợ lãi phát sinh: 191.640.115 đồng, lãi quá hạn 5.535.981 đồng) và phần nợ lãi phát sinh kể từ ngày 16/4/2025 theo lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 28/9/2021, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

-Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng đối với yêu cầu tính phí phát sinh đối với thẻ tín dụng tính từ ngày 26/4/2023 đến ngày 20/3/2025: là 204.299.583 đồng.

-Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH một thành viên M, nay là Công ty Cổ phần M (Kế thừa một phần quyền, nghĩa vụ tố tụng):

Buộc bà Đinh Thị Hoàng A1 và ông Nguyễn Văn Thanh thanh T4 cho Công ty cổ phần M tổng số tiền tính đến ngày 10/4/2025, theo các Hợp đồng tín dụngTCU202181154977/HDTD;TCU202181241691/HDTD;TCU202181241973/HDTD, TCU202181242011/HDTD được ký cùng ngày 15/03/2021, các Khế ước nhận nợ và theo Hợp đồng mua bán nợ số 010/HĐMBN/TCB-MARS và Phụ lục 01-HĐMB; 011/HĐMBN/TCB-MARS và Phụ lục 01-HĐMB; 012/HĐMBN/TCB-MARS và Phụ lục 01-HĐMB; 013/HĐMBN/TCB-MARS và Phụ lục 01-HĐMB là: 48.427.218.990 đồng (trong đó nợ gốc: 41.817.112.942 đồng, nợ lãi trong hạn: 5.765.302.573 đồng, lãi chậm trả: 844.803.475 đồng).

Ông Nguyễn Văn T3 và bà Đinh Thị Hoàng A1 phải thanh toán nợ lãi phát sinh kể từ ngày 11/4/2025 cho Công ty Cổ phần M (tên cũ là Công ty TNHH một thành viên M), theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ đã ký.

Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận; bị đơn ông Nguyễn Văn T3 và bà Đinh Thị Hoàng A1 phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại đơn khởi kiện nguyên đơn cung cấp địa chỉ cư trú hiện tại của bị đơn là: Số C N, KP4, phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo địa chỉ được ông Nguyễn Văn T3 và bà Đinh Thị Hoàng A1 ghi trong giao dịch Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng và các văn bản khác với nguyên đơn đều thể hiện ông Nguyễn Văn T3 và bà Đinh Thị Hoàng A1 tạm trú tại địa chỉ: Số C N, K, phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo kết quả trả lời xác minh của Công an phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh tại Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 04/2024/QĐ-CCTLCC ngày 02/01/2024 của Tòa án nhân dân Quận 7 thì đương sự ông Nguyễn Văn T3 và bà Đinh Thị Hoàng A1 có hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại địa chỉ: A chung cư M M, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đã vay - Đây là “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” là loại tranh chấp được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T3 và bà Đinh Thị Hoàng A1 là trường hợp đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về chứng cứ và nghĩa vụ chứng minh: Tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi và không phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì, vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi. Căn cứ Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì ông Nguyễn Văn T3 và bà Đinh Thị Hoàng A1 đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa tham gia tố tụng, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vụ việc trên theo những chứng cứ có trong hồ sơ.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của đương sự:

[3.1] Nguyên đơn Ngân hàng TMCP K khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền nợ tính đến ngày 15/04/2025 là 4.639.536.879 đồng:

Sau khi bán một phần nợ cho Công ty Cổ phần M, T7 còn lại một phần khoản nợ cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

	GỐC	LÃI	TỔNG
--	------------	------------	-------------

Hợp đồng tín dụng số TCU202181154977/HDTD	1.047.227.328	42.891.558	1.009.118.886
Hợp đồng tín dụng số TCU202181241691/HDTD	1.350.240.218	55.302.135	1.405.542.353
Hợp đồng tín dụng số TCU202181241973/HDTD	1.249.627.351	37.075.252	1.286.702.603
Hợp đồng tín dụng số TCU202181242011/HDTD	830.053.532	27.119.505	857.173.037
Tổng nợ	4.477.148.429	162.388.450	4.639.536.879

Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số TCU202181241691/HDTD; Hợp đồng tín dụng số TCU202181154977/HDTD; TCU202181241973/HDTD; Hợp đồng tín dụng số TCU202181242011/HDTD được ký cùng ngày 15/03/2021 và các khế ước nhận nợ và Hợp đồng mua bán nợ số 010/HĐMBN/TCB-MARS và Phụ lục 01-HĐMB; 011/HĐMBN/TCB-MARS và Phụ lục 01-HĐMB; 012/HĐMBN/TCB-MARS và Phụ lục 01-HĐMB; 013/HĐMBN/TCB-MARS và Phụ lục 01-HĐMB cùng ngày 28/12/2024 giữa Ngân hàng TMCP K và Công ty cổ phần M; bảng sao kê tài khoản và các chứng cứ khác trong hồ sơ có cơ sở xác định bà Đinh Thị Hoàng A1 và ông Nguyễn Văn T3 có đề nghị vay và đã được nguyên đơn chấp thuận cho vay với mục đích thanh toán tiền mua bán bất động sản. Sau khi mua bán một phần nợ, số tiền còn lại là 4.639.536.879 đồng.

Căn cứ theo các điều khoản ký kết trong Hợp đồng tín dụng thì bà Đinh Thị Hoàng A1 và ông Nguyễn Văn T3 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Căn cứ Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay thì "bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn". Đến nay bị đơn bà Đinh Thị Hoàng A1 và ông Nguyễn Văn T5 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, nguyên đơn T7 khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ với số tiền 4.639.536.879 đồng (sau khi bán một phần nợ cho Công ty CP M) T7 yêu cầu bà Hoàng A1 và ông T5 có nghĩa vụ phải thanh toán ngay làm một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở.

Ngân hàng T7 còn cho bà Đinh Thị Hoàng A1 đăng ký sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức 300.000.000 đồng ngày 28/9/2021 theo bảng đề nghị kèm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ngày 17/8/2021. Ngân hàng đã cấp thẻ cho bà Đinh Thị Hoàng A1 với số thẻ 483931xxxxxx8433 với số tài khoản 197216807780027. Đối với thẻ tín dụng này, Ngân hàng cho bà Đinh Thị Hoàng A1 sử dụng là dành cho khách hàng cá nhân.

Ngày 21/10/2021, bà Hoàng A1 sử dụng thẻ lần đầu. Trong suốt quá trình sử dụng thẻ từ ngày 21/10/2021 đến ngày khóa thẻ 24/7/2023, bà Hoàng A1 đã sử dụng với tổng phát sinh 1.002.034.208 đồng. Đã thanh toán số tiền 704.919.735 đồng. Số tiền nợ gốc còn phải thanh toán 297.114.473 đồng.

T7 yêu cầu bà Hoàng A1 phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ gốc, lãi, phí phát sinh đến ngày 15/4/2025 như sau:

Nợ gốc: 297.114.473 đồng

Nợ lãi trong hạn: 191.640.115 đồng

Nợ lãi quá hạn: 5.535.981 đồng

Nợ phí phát sinh (phí chậm thanh toán): 204.299.583 đồng

Về lãi trong hạn và quá hạn: Căn cứ vào mức lãi suất được quy định khi cấp thẻ cho khách hàng, T7 áp dụng mức lãi suất chậm thanh toán là 22,8%/năm đối với thẻ tín dụng S - P - Visa Credit EMV. Bà Hoàng A1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán, T7 tính lãi trong hạn và lãi quá hạn là có cơ sở do đó được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nợ phí phát sinh (phí chậm thanh toán): 204.299.583 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 24/7/2023, Ngân hàng phát hành thẻ đã chấm dứt hoạt động của thẻ Visa cấp cho bà Hoàng A1. T7 đã tính lãi chậm thanh toán cho khoản nợ của khách hàng. Do đó, với số tiền phí chậm thanh toán 204.299.583 đồng được tính từ ngày 18/5/2023 cho đến ngày 20/3/2025 Hội đồng xét xử cho rằng yêu cầu khởi kiện này là không có cơ sở. Ngân hàng phát hành thẻ không xuất trình được căn cứ để tính phí chậm thanh toán của khách hàng khi Ngân hàng phát hành thẻ đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của khách hàng.

Đối với số tiền nợ phát sinh từ hoạt động sử dụng thẻ của bà Hoàng A1, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận yêu cầu buộc bà Hoàng A1 phải thanh toán nợ gốc, lãi trong hạn và quá hạn với số tiền tạm tính đến ngày 15/4/2025 là 494.290.569 đồng. Trong đó nợ gốc: 297.114.473 đồng; Nợ lãi trong hạn: 191.640.115 đồng; Nợ lãi quá hạn: 5.535.981 đồng.

Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm bị đơn vẫn phải trả lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ký ngày 28/9/2021 cho T7 đến khi trả hết nợ.

[3.2] Đối với yêu cầu của Công ty CP M - mua bán một phần nợ của T7:

Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số TCU/202181241691/HDTD; TCU202181154977/HDTD; TCU202181241973/HDTD; TCU202181242011/HDTD được ký cùng ngày 15/03/2021 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần K và bà Đinh Thị Hoàng A1 và ông Nguyễn Văn T3; Hợp đồng mua bán nợ số 010/HĐMBN/TCB-MARS và Phụ lục 01-HĐMB; 011/HĐMBN/TCB-MARS và Phụ lục 01-HĐMB; 012/HĐMBN/TCB-MARS và Phụ lục 01-HĐMB; 013/HĐMBN/TCB-MARS và Phụ lục 01-HĐMB giữa Ngân hàng TMCP K và Công ty cổ phần M; bảng sao kê tài khoản và các chứng cứ khác trong hồ sơ có cơ sở xác định bà Đinh Thị Hoàng A1 và ông Nguyễn Văn T3 có đề nghị vay và đã được nguyên đơn chấp thuận cho vay với mục đích thanh toán tiền mua bán bất động sản.

Tính đến ngày 15/4/2025, bà Đinh Thị Hoàng A1 và ông Nguyễn Văn T3 còn nợ số tiền như sau:

Nợ gốc: 41.817.112.942 đồng

Nợ lãi trong hạn: 5.877.472.427 đồng

Nợ lãi quá hạn: 850.365.780 đồng

Tổng nợ: 48.544.951.149 đồng

Căn cứ theo các điều khoản ký kết trong Hợp đồng tín dụng thì bà Đinh Thị Hoàng A1 và ông Nguyễn Văn T3 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Căn cứ Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay thì "bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn". Đến nay bị đơn bà Đinh Thị Hoàng A1 và ông Nguyễn Văn T3 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, người kế thừa một phần quyền và nghĩa vụ Công ty CP M yêu cầu bị đơn trả nợ tính đến ngày 15/4/2025 số tiền 48.544.951.149 đồng là phù hợp với Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký và phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 91, Khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên có cơ sở và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Nguyên đơn và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu bị đơn bà Đinh Thị Hoàng A1 và ông Nguyễn Văn T3 có nghĩa vụ thanh toán khoản vay theo Hợp đồng tín dụng Hợp đồng tín dụng số TCU/202181241691/HDTD;TCU202181154977/HDTD;TCU202181241973/HDTD, TCU202181242011/HDTD được ký cùng ngày 15/03/2021 và theo bảng đề nghị kèm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ngày 17/8/2021. Ngoài yêu cầu trên, Nguyên đơn và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn không yêu cầu Tòa án xử lý tài sản thế chấp của các tài sản là đối với các căn Shop gồm IN-05-03, IN-01-47, MC-01-32, MC-01-33 theo các Hợp đồng mua bán công trình dịch vụ du lịch IN-05-03/Grand World/HĐMBCTDVDL ngày 11/11/2020; Hợp đồng mua bán công trình dịch vụ du lịch IN-01-47/Grand World/HĐMBCTDVDL ngày 11/11/2020; Hợp đồng mua bán công trình dịch vụ du lịch MC-01-32/Grand World/HĐMBCTDVDL ngày 11/11/2020; Hợp đồng mua bán công trình dịch vụ du lịch MC-01-33/Grand World/HĐMBCTDVDL ngày 11/11/2020;

[3.3] Về thời hạn trả nợ: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP K và kế thừa một phần quyền, nghĩa vụ tố tụng Công ty Cổ phần M yêu cầu bị đơn phải trả số tiền còn nợ một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên với yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên phía bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[6] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 91 và Khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật phí, lệ phí và Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung 2014;

Xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt bị đơn bà Đinh Thị Hoàng A1 và ông Nguyễn Văn T3.

Tuyên án vắng mặt người có quyền và nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH B.

Tuyên án vắng mặt Công ty Cổ phần M.

2. Về nội dung:

2.1 Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần K:

2.1.1 Buộc bà Đinh Thị Hoàng A1 và ông Nguyễn Văn T3 phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K tổng số tiền nợ là 4.639.536.879 (Bốn tỷ sáu trăm ba mươi chín triệu năm trăm ba mươi sáu ngàn tám trăm bảy mươi chín) đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành.

2.1.2 Buộc bà Đinh Thị Hoàng A1 phải thanh toán nợ thẻ tín dụng tính đến ngày 15/4/2025 là 494.290.569 (Bốn trăm chín mươi bốn triệu hai trăm chín mươi ngàn năm trăm sáu mươi chín) đồng (Trong đó nợ gốc: 297.114.473 (Hai trăm chín mươi bảy triệu một trăm mười bốn ngàn bốn trăm bảy mươi ba) đồng; nợ lãi trong hạn: 191.640.115 (Một trăm chín mươi một triệu sáu trăm bốn mươi ngàn một trăm mười lăm) đồng; nợ lãi quá hạn: 5.535.981 (Năm triệu năm trăm ba mươi lăm ngàn chín trăm tám mươi một) đồng), trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành. Kể từ ngày 16/4/2025 trở đi, bà Đinh Thị Hoàng A1 còn phải chịu lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại Đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 28/9/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần K đối với yêu cầu buộc bà Đinh Thị Hoàng A1 phải thanh toán số tiền nợ phí phát sinh 204.299.583 (Hai trăm lẻ bốn triệu hai trăm chín mươi chín ngàn năm trăm tám mươi ba) đồng.

2.3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của kế thừa một phần quyền, nghĩa vụ tố tụng Công ty Cổ phần M:

2.3.1 Buộc bà Đinh Thị Hoàng A1 và ông Nguyễn Văn T3 phải thanh toán cho Công ty CP M số tiền tạm tính đến ngày 15/4/2025 là 48.544.951.149 (Bốn mươi tám tỷ năm trăm bốn mươi bốn triệu chín trăm năm mươi một ngàn một trăm bốn mươi chín) đồng trong đó: Nợ gốc: 41.817.112.942 (Bốn mươi một tỷ tám trăm mười bảy triệu một trăm mười hai ngàn chín trăm bốn mươi hai) đồng; Nợ lãi trong hạn: 5.877.472.427 (Năm tỷ tám trăm bảy mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi hai ngàn bốn trăm hai mươi bảy) đồng; Nợ lãi quá hạn: 850.365.780

(T6 trăm năm mươi triệu ba trăm sáu mươi lăm ngàn bảy trăm tám mươi) đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành.

2.3.2 Kể từ ngày 16/4/2025 trở đi, bà Đinh Thị Hoàng A1 và ông Nguyễn Văn T3 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án cho công ty cổ phần M, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số TCU/202181241691/HDTD; TCU202181154977/HDTD; TCU202181241973/HDTD, TCU202181242011/HDTD cho đến khi thi hành án xong.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đinh Thị Hoàng A1 và ông Nguyễn Văn T3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 161.678.779 (Một trăm sáu mươi một triệu sáu trăm bảy mươi tám ngàn bảy trăm bảy mươi chín) đồng. Nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận là 10.214.979 (Mười triệu hai trăm mười bốn ngàn chín trăm bảy mươi chín) đồng nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 74.908.556 (Bảy mươi bốn triệu chín trăm lẻ tám nghìn năm trăm năm mươi sáu) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0037726 ngày 13/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần K số tiền còn lại là 64.693.577 (Sáu mươi bốn triệu sáu trăm chín mươi ba ngàn năm trăm bảy mươi bảy) đồng.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, thời hiệu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty Cổ phần M; Bà Đinh Thị Hoàng A1 và ông Nguyễn Văn T3; Công ty TNHH B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ (TK Định).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Nguyễn Thị Diễm Phương